

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 01-25/DC ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Dechang Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung, giải trình và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Dechang Việt Nam, địa chỉ tại đường số 1, Khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất của Công ty Dechang Việt Nam - sản xuất, gia công và lắp ráp máy hút bụi công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 100.000 tấn sản phẩm/năm), thiết bị điện gia dụng (máy sấy tóc, lược điện, quạt điện, máy tạo độ ẩm) công suất 50.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 68.750 tấn sản phẩm/năm), mô tơ dùng cho thiết bị điện gia dụng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 15.000 tấn sản phẩm/năm)” có địa chỉ tại đường số 1, Khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất của Công ty Dechang Việt Nam - sản xuất, gia công và lắp ráp máy hút bụi công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 100.000 tấn sản phẩm/năm), thiết bị điện gia dụng (máy sấy tóc, lược điện, quạt điện, máy tạo độ ẩm) công suất 50.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 68.750 tấn sản phẩm/năm), mô tơ dùng cho thiết bị điện gia dụng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 15.000 tấn sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 1, Khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603663612 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23 tháng 8 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 6 năm 2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3255312397 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 8 năm 2019 và chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 10 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3603663612.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thiết bị điện, sản xuất mô tơ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 129.020,2 m².

- Công suất: Máy hút bụi 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 100.000 tấn sản phẩm/năm); thiết bị điện gia dụng 50.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 68.750 tấn sản phẩm/năm); mô tơ dùng cho thiết bị điện gia dụng 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 15.000 tấn sản phẩm/năm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình ép phun: Nguyên liệu đầu vào (hạt nhựa nguyên sinh) → Trộn → Sấy → Đùn nóng chảy → Ép khuôn → Làm nguội → Cắt gọt rìa → Kiểm tra → Đóng gói → Lưu kho.

+ Quy trình thu hồi nguyên liệu nhựa: Vụn nhựa, nhựa phế → Nghiền → Trộn → Đùn nóng chảy → Tạo sợi → Làm nguội → Cắt hạt → Đưa về quy trình ép phun.

+ Quy trình lắp ráp mô tơ: Nguyên liệu đầu vào (lõi thép) → Lắp trục → Lắp chốt thép, cổ góp → Quấn dây đồng → Hàn mối dây vào cổ góp → Định hình gói dây → Cân bằng động → Sấy khô → Dán quạt gió → Lắp vỏ và nắp → Kiểm tra → Khắc chữ → Đóng gói, lưu kho.

+ Quy trình lắp ráp: Nguyên liệu (các sản phẩm từ quá trình ép phun; mô tơ; chi tiết, linh kiện dây điện nguồn, động cơ, bảng mạch, nhãn dán, phụ kiện nhựa, linh kiện điện, bộ lọc, phụ kiện cao su, kim loại) → Kiểm tra → Gắn khớp → Lắp ghép → Dán nhãn → Hoàn thiện sản phẩm → Kiểm tra → In logo → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dechang Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dechang Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 26 tháng 3... năm 2032).

Các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *lt*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Công Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;
- Công ty TNHH Dechang Việt Nam;
- Lưu: VT, MT, *Hiệu 9.*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt sau khi đưa qua hệ thống bể tự hoại và nước thải sản xuất được thu gom đưa về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền để xử lý tại 09 điểm đầu nối trên đường số 1 Khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 03/2024/HĐNT/GĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Công ty TNHH Dechang Việt Nam và Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền)), cụ thể:

- + Điểm đầu nối số 1: Đối với khu xưởng C1, C2, C3: Tọa độ X = 1206173; Y = 416532.
- + Điểm đầu nối số 2: Đối với xưởng B3: Tọa độ X = 1206149; Y = 416333.
- + Điểm đầu nối số 3: Đối với xưởng B4: Tọa độ X = 1206148; Y = 416412.
- + Điểm đầu nối số 4: Đối với xưởng 11: Tọa độ X = 1205460; Y = 415020.
- + Điểm đầu nối số 5: Đối với xưởng 12: Tọa độ X = 1205511; Y = 415095.
- + Điểm đầu nối số 6: Đối với xưởng 12A: Tọa độ X = 1205561; Y = 415169.
- + Điểm đầu nối số 7: Đối với xưởng 14: Tọa độ X = 1205605; Y = 415234.
- + Điểm đầu nối số 8: Đối với xưởng 15: Tọa độ X = 1205647; Y = 415295.
- + Điểm đầu nối số 9: Đối với xưởng 16: Tọa độ X = 1205690; Y = 415362.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°45' múi chiều 3°)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực: Khu nhà ăn (nguồn số 01 không có bể tách dầu mỡ, công ty đặt suất ăn công nghiệp), nhà bảo vệ (nguồn số 02), khu vực nhà xưởng (nguồn số 03) được đưa về các bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Giang Điền.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm mát nhựa (nguồn số 04), vệ sinh văn phòng, nhà xưởng (nguồn số 05), được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Giang Điền.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng 44 bể tự hoại đặt tại các khu vực thuộc nhà máy:

- 22 bể tự hoại tại khu nhà vệ sinh khu nhà xưởng sản xuất, có thể tích thiết kế 15 m³/bể.
- 22 bể tự hoại tại khu nhà vệ sinh khu vực cổng bảo vệ, có thể tích thiết kế 9 m³/bể.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời.

- Thường xuyên phối hợp với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền theo định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đầu nối theo quy định của khu công nghiệp.

1.4.2. Kịch bản và phương án ứng phó sự cố xử lý nước thải:

- Sự cố hư hỏng thiết bị: Kiểm tra kiểm tra các van và đường ống dẫn nước thải, thay thế bằng thiết bị dự phòng trong trường hợp không khắc phục được.

- Khi chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu: Ngừng việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Khu công nghiệp Giang Điền, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Giang Điền theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy nghiền nhựa.
- Nguồn số 02: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 1205345; Y = 415078.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 1205212; Y = 415326.
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X = 1205215; Y = 415334.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Dầu tổng hợp từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	1.065
2	Sáp và mỡ đã qua sử dụng	07 03 06	56
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	421
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	2.222
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	19 02 06	1.360
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	19
7	Pin Ni-Cd thải	19 06 02	9
Tổng khối lượng			5.152

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Nhóm nhựa không nhiễm các thành phần nguy hại (bọc nilon, bọc PE, bao đựng nhựa, pallet nhựa, dây đai, xốp)	150.348
2	Nhóm kim loại không nhiễm các thành phần nguy hại	792
3	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	6
4	Giấy carton, giấy loại bỏ từ văn phòng	371.304
5	Pallet gỗ, củi	292.897
6	Chất thải công nghiệp khác	539.442
Tổng khối lượng		1.354.789

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài, giấy ráp,...)	07 03 10	185
2	Phoi từ quá trình gia công tạo hình nhiễm thành phần nguy hại	07 03 11	680
3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	102
4	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	69
5	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	102
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	20

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
7	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	829
8	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	30
9	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	6.805
Tổng khối lượng			8.822

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 390 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Kho có diện tích thiết kế 75 m² (khu xưởng C1, C2, C3: 20 m²; khu xưởng B3, B4: 15 m²; khu xưởng 11-16: 40 m²); có mái che, tường bao, nền bê tông; có rãnh, hố ga thu gom, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy; bao bì.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí chung với kho chứa nguyên liệu, hóa chất có diện tích thiết kế 141,38 m² (khu xưởng C1, C2, C3: 40 m²; khu xưởng B3, B4: 30 m²; khu xưởng 11-16: 71,38 m²). Kho chứa có tường bao quanh, mái che, nền chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng có nắp đậy; bao bì.

- Thùng nhựa và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. *Ưt*

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo nội dung được phê duyệt tại Quyết định số 3338/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; không còn hạng mục sản xuất và công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bụi, khí thải phát sinh từ 167 nguồn (chủ yếu từ các thiết bị, công đoạn đun, ép nhựa) được bố trí các chụp hút để thu gom về các thiết bị lọc bụi (filer lọc bụi) và thoát vào môi trường lao động; phải có biện pháp giảm thiểu, kiểm soát bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn này để bảo đảm môi trường lao động đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

6. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /